

KẾ HOẠCH

Hành động thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 với nội dung như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2016-2020

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, là đầu tàu, động lực, có sức thu hút và sức lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước. Với diện tích tự nhiên 2.095 km², dân số Thành phố Hồ Chí Minh là 8.993.082 người, mật độ dân số 4.292 người/km², cao nhất trong cả nước (theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019).

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể từ Thành phố đến cơ sở luôn nhận thức việc triển khai công tác dân số là một nội dung quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người dân, từng gia đình, toàn xã hội nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Qua 05 năm triển khai thực hiện Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020, Thành phố đã hoàn thành cơ bản các mục tiêu đề ra: các hoạt động can thiệp nâng cao chất lượng dân số giai đoạn đầu đời được triển khai thực hiện tốt; chăm sóc toàn diện sức khỏe sinh sản; tỷ số giới tính khi sinh luôn được duy trì ở mức cân bằng; các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi được tăng cường, vai trò người cao tuổi không ngừng được phát huy trong cộng đồng; đẩy mạnh khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về dân số - kế hoạch hóa gia đình phục vụ công tác kế hoạch, quản lý hành chính nhằm góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố (*Kết quả thực hiện chỉ tiêu theo Phụ lục 1 đính kèm*).

1. Quy mô dân số và mức sinh

- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên có xu hướng tăng, năm 2016 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 0,76% đến cuối năm 2020 là 1,01%. Tuy nhiên, tỷ lệ tăng dân số cơ học có xu hướng giảm, năm 2016 tỷ lệ tăng dân số cơ học là 1,30% đến năm 2020 là 1,05%. Nhìn chung, quy mô dân số Thành phố tăng chậm, tính đến cuối năm 2020 quy mô dân số là 9.224.754 người.

- Tổng tỷ suất sinh đang có xu hướng tăng trở về mức hợp lý mặc dù còn rất thấp, năm 2016 tổng tỷ suất sinh là 1,24 đến năm 2020 là 1,53 con/phụ nữ, chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra 1,7 đến 1,9 con/phụ nữ.

- Đáp ứng đầy đủ nhu cầu kế hoạch hóa gia đình của người dân, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ sinh sản có chất lượng, trong giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng biện pháp tránh thai hàng năm đạt trên 70%, trong đó sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại duy trì đều ở mức trên 60%.

2. Cơ cấu dân số

- Từ kết quả Tổng điều tra cho thấy, tỷ trọng dân số từ 15-64 tuổi chiếm 75,5%, tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi và từ 65 tuổi trở lên chiếm lần lượt là 18,9% và 5,6%, số liệu này cho thấy Thành phố hiện đang trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng”. Thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” mang lại nhiều cơ hội và thách thức, giúp phát triển kinh tế, gia tăng sự đóng góp của lao động trong quá trình phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao.

- Tỷ số giới tính khi sinh hàng năm được duy trì ở mức hợp lý từ 106 đến 107 trẻ trai /100 trẻ gái.

3. Chất lượng dân số

Thành phố triển khai thực hiện tốt các hoạt động can thiệp nâng cao chất lượng dân số giai đoạn đầu đời. Các hoạt động của chương trình đã tác động vào quá trình phát hiện, can thiệp và điều trị sớm các bệnh tật, các rối loạn chuyển hóa, di truyền ngay trong giai đoạn bào thai và sơ sinh; giúp trẻ sinh ra bình thường hoặc tránh được những hậu quả nặng nề về thể chất và trí tuệ, giảm số người tàn tật, thiếu năng trí tuệ trong cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng dân số Thành phố, cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ bà mẹ đang mang thai được Sàng lọc trước sinh và tỷ lệ trẻ sơ sinh được Sàng lọc đều đạt và vượt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Năm 2020, số liệu ghi nhận, tỷ lệ bà mẹ mang thai được Sàng lọc trước sinh đạt 88,57%, tỷ lệ trẻ sơ sinh được Sàng lọc đạt 85,38%.

- Tỷ lệ thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn được truyền thông, tư vấn về nội dung sức khỏe tiền hôn nhân hàng năm đều đạt trên 90%.

- Tỷ suất chết mẹ hiện ở mức rất thấp so với cả nước, bình quân trong giai đoạn 2016-2020 ở mức dưới 3,5 ca/100.000 ca sinh sống, năm 2020 số liệu ghi nhận là 2,53 ca, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (≤ 10 ca/100.000 ca sinh sống).

- Tỷ suất chết sơ sinh ở mức thấp, giảm từ 8,4‰ năm 2016 xuống còn 6,9‰ vào năm 2020, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Năm 2016, tỷ số nạo phá thai của Thành phố là 45,9 ca nạo/100 ca sinh sống được kéo giảm còn 33,46 ca nạo/100 ca sinh sống trong năm 2020 (đạt so với chỉ tiêu kế hoạch 45/100), cơ bản loại trừ phá thai không an toàn. Tỷ lệ phá thai của người chưa thành niên được kiểm soát ở mức dưới 3%; năm 2016, tỷ lệ phá thai vị thành niên là 2,6% được kéo giảm còn 2,0% vào năm 2020.

- Các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi được tăng cường, vai trò người cao tuổi không ngừng được phát huy trong cộng đồng. Tuổi thọ trung bình của người dân Thành phố ở mức khá cao 76,6 tuổi, so với cả nước 73,6 tuổi (Tổng điều tra dân số và nhà ở). Triển khai có hiệu quả các hoạt động chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi tại cộng đồng, toàn Thành phố có 96 Câu lạc bộ “Người cao tuổi giúp Người cao tuổi” với hơn 3.966 hội viên là người cao tuổi tham gia và 96 Tổ tình nguyện viên với hơn 2.469 người tham gia tình nguyện thực hiện chăm sóc, giúp đỡ cho hơn 13.099 người cao tuổi già yếu neo đơn tại cộng đồng.

4. Phân bố dân số

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở, dân số thành thị là 7.125.497 người (với tỷ lệ tăng dân số bình quân 1,77%/năm), dân số nông thôn là 1.867.585 người (với tỷ lệ tăng dân số bình quân 4,47%/năm), số liệu này phản ánh tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh tại các huyện ngoại thành. Xét trên bình diện các tiêu chí về phân bố dân số, cho thấy:

- Thành phố có sự phân bố dân số không đồng đều, tập trung tại các quận trung tâm với mật độ dân số rất cao, có 05 quận có mật độ dân số lên đến trên 37.000 người/km² gồm: Quận 4 (41.975 người/km²), Quận 10 (41.074 người/km²), Quận 11 (40.863 người/km²), Quận 3 (38.673 người/km²), Quận 5 (37.219 người/km²). Trong khi đó, huyện Củ Chi và huyện Cần Giờ có mật độ dân số khá thấp tương ứng là 1.063 người/km² và 102 người/km².

- Theo thống kê của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, có 02 quận, huyện có dân số trên 700 ngàn dân (quận Bình Tân và huyện Bình Chánh), có 03 quận, huyện có dân số trên 600 ngàn dân (Quận 12, Thủ Đức, Gò Vấp), 02 quận, huyện trên 500 ngàn dân (quận Bình Thạnh và huyện Hóc Môn), các quận, huyện còn lại có dân số dưới 500 ngàn dân.

5. Công tác truyền truyền, giáo dục dân số

- Công tác tuyên truyền, vận động và giáo dục về dân số được thực hiện khá đồng bộ với nhiều nội dung, hình thức, cách làm phong phú đa dạng và phù hợp theo từng thời điểm, đặc điểm địa bàn, nhóm đối tượng dân cư. Trong giai đoạn 2016-2020, công tác truyền thông, giáo dục tập trung các mục tiêu chủ yếu: nâng cao chất lượng dân số; bình đẳng giới và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; vận động mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con; sức khỏe bà mẹ và trẻ em; sức khỏe sinh sản - sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên...

- Thường xuyên cung cấp thông tin cập nhật kịp thời, có chất lượng về vấn đề dân số đến lãnh đạo các cấp, những người có uy tín trong cộng đồng nhằm tạo sự ủng hộ, cam kết hỗ trợ về chính sách, nguồn lực và tạo dư luận xã hội thuận lợi cho công tác dân số. Tăng cường các cuộc tiếp xúc trao đổi trên các phương tiện thông tin đại chúng với lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp, các chức sắc tôn giáo, những người có ảnh hưởng trong xã hội về vấn đề dân số nhằm đảm bảo thông tin đúng đắn, đa chiều.

- Công tác phối hợp liên ngành trong triển khai các hoạt động truyền thông - giáo dục về dân số được thực hiện chặt chẽ thông qua việc ký kết liên tịch hợp đồng trách nhiệm với các sở, ban ngành, đoàn thể trên địa bàn Thành phố. Nhiều giải pháp về truyền thông vận động được lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch hoạt động của các sở, ban ngành, đoàn thể đã tạo nên phong trào thi đua thực hiện tốt chính sách dân số được nghiêm túc thực hiện và duy trì liên tục.

- Công tác truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của vị thành niên, thanh niên được cải thiện. Hàng năm, tỉ lệ vị thành niên, thanh niên được truyền thông, tư vấn về nội dung sức khỏe sinh sản - tiền hôn nhân đạt trên 90%. Trong giai đoạn 2016-2020, bình quân hàng năm đã thực hiện tư vấn hơn 1,5 triệu lượt vị thành niên, thanh niên. Số liệu ghi nhận năm 2020 là 1,8 triệu lượt.

- Hiện nay, toàn Thành phố có 09 điểm tư vấn miễn phí sức khỏe sinh sản - tiền hôn nhân và 254 Câu lạc bộ Tiền hôn nhân triển khai đến tận các địa bàn quận, huyện, phường - xã, thị trấn và trường học.

- Các hoạt động truyền thông, giáo dục được chú trọng và tăng cường, góp phần vào việc huy động thêm nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi cho công tác dân số. Quy mô gia đình có đủ số con ngày càng được sự đồng thuận cao của xã hội, hiểu biết và thực hành về chính sách dân số của Đảng và Nhà nước trong các tầng lớp Nhân dân được nâng lên rõ rệt. Áp dụng thành công mô hình truyền thông mới trong tuyên truyền chính sách dân số, cụ thể: thực hiện chiếu các trailer tuyên truyền chính sách dân số tại các rạp chiếu phim; tuyên truyền các nội dung công tác dân số trên các màn hình quảng cáo của hệ thống siêu thị CO.OP, trên các trụ dừng, nhà chờ xe buýt, tại các bệnh viện, cơ sở y tế công lập trên địa bàn Thành phố. Các mô hình truyền thông mới có sự đầu tư về chiều sâu và sự đa dạng, phong phú trong phương thức triển khai thực hiện.

6. Dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình

- Tại Thành phố 100% phường, xã, thị trấn có Trạm Y tế; 100% số trạm y tế phường, xã, thị trấn (319/319) đảm bảo sự có mặt thường xuyên của bác sĩ, nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi; 100% khu phố - ấp có cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình. Hầu hết nữ hộ sinh, y sĩ sản nhi, nhân viên y tế cơ sở được đào tạo và có kỹ năng cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình theo chuẩn quốc gia; Cán bộ chuyên trách và cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình được tập huấn về kiến thức, kỹ năng và thực hiện cung cấp các dịch vụ tư vấn, biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

- Mạng lưới cung cấp các dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được củng cố, kiện toàn và phát triển ở các tuyến, đáp ứng nhu cầu cơ bản của người dân. Mạng lưới y tế công lập và ngoài công lập cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình phát triển bao gồm: các bệnh viện chuyên khoa Phụ Sản, bệnh viện đa khoa có khoa Phụ Sản, các phòng khám Phụ Sản, nhà hộ sinh, Khoa Sức khỏe sinh sản thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố, khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản thuộc Trung tâm Y tế cấp quận, huyện và trạm y tế phường - xã, thị trấn.

- Trong giai đoạn 2016-2020, Thành phố đã thực hiện cung cấp dịch vụ tránh thai lâm sàng miễn phí cho 4.802 người triệt sản và 142.297 người đặt dụng cụ tử cung (theo chính sách đặc thù của Thành phố). Bên cạnh đó, thực hiện cung cấp dịch vụ tránh thai phi lâm sàng miễn phí (thuốc uống, bao cao su tránh thai) dựa vào cộng đồng do cán bộ chuyên trách và cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình ở cơ sở thực hiện.

- Đây mạnh tiếp thị xã hội và xã hội hóa các phương tiện tránh thai đã từng bước chuyển đổi nhận thức của khách hàng trong việc cùng tham gia chi trả các dịch vụ sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, huy động nguồn kinh phí xã hội hóa cho công tác dân số được thực hiện một cách chủ động và hết sức linh hoạt. Trong quá trình triển khai, đã tiếp thị xã hội được 531.000 chiếc bao cao su và 120.800 vỉ thuốc uống tránh thai, bình quân hàng năm có trên 25.000 người sử dụng các phương tiện tránh thai tiếp thị xã hội. Thực hiện xã hội hóa các phương tiện tránh thai do Ban Quản lý Đề án 818 cung cấp, cụ thể như sau: bao cao su Hello là 878.400 chiếc, thuốc uống tránh thai Anna là 468.288 vỉ.

- Các hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ được tổ chức triển khai thực hiện tốt, đặc biệt quan tâm đến nhóm phụ nữ lao động nhập cư và phụ nữ ngoại thành. Tổng số lượt khám chăm sóc sức khỏe sinh sản trong các đợt Chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số qua 05 năm (2016-2020) là 71.032 lượt. Tỷ lệ phát hiện và được điều trị các bệnh phụ khoa thông thường trong Chiến dịch là 31,6%. Thông qua việc cung cấp các gói dịch vụ trong Chiến dịch, có 682 trường hợp tham gia tự nguyện triệt sản và 23.622 trường hợp đặt dụng cụ tử cung, 12.839 phụ nữ mang thai tham gia khám sàng lọc trước sinh và 1.020 nam, nữ thanh niên tự nguyện tham gia khám sức khỏe tiền hôn nhân.

- Phòng khám sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình (trực thuộc Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) trong 05 năm (2016-2020) đã thực hiện tốt việc cung cấp miễn phí dịch vụ khám và điều trị các bệnh phụ khoa thông thường cho 29.500 công nhân (so với chỉ tiêu 29.400 người), thực hiện công tác truyền thông, tư vấn về sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình cho 80.309 công nhân, sinh viên (so với chỉ tiêu 70.400 người).

7. Công tác tổ chức, quản lý, điều hành

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác dân số và sức khỏe sinh sản sâu sát và chủ động, cùng với sự tham gia tích cực của các ban ngành, đoàn thể từ Thành phố đến cơ sở tiếp tục được duy trì đã mang lại tính phong phú, đa dạng về nội dung và hình thức trong triển khai thực hiện chiến lược, đây là một nhân tố quyết định đảm bảo sự thành công của công tác dân số và sức khỏe sinh sản trên địa bàn Thành phố.

- Năm 2017, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 về chế độ hỗ trợ thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020, trọng tâm là chính sách miễn, giảm chi phí dành cho người dân thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo khi tham gia khám sức khỏe trước khi kết hôn, khám sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh; chính sách thù lao và bảo hiểm y tế cho đội ngũ cộng tác viên dân số; chính sách dành riêng cho người thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số... Tổng kinh phí cho thực hiện chính sách dân số của Thành phố trong 05 năm hơn 300 tỷ đồng. Thành công nổi bật trong thực hiện chính sách dân số của Thành phố chính là sự ổn định về bộ máy tổ chức làm công tác dân số, đã tác động trực tiếp đến hiệu quả thực hiện công tác dân số trên địa bàn Thành phố.

- Huy động nguồn lực đầu tư và xã hội hóa công tác dân số có nhiều thay đổi tích cực trong bối cảnh nguồn kinh phí đầu tư từ ngân sách trung ương giảm mạnh, nguồn kinh phí đầu tư từ ngân sách Thành phố và huy động cơ chế xã hội hóa đã được bổ sung kịp thời. Tổng kinh phí huy động xã hội hóa cho công tác dân số trong giai đoạn 2016-2020 trên 05 tỷ đồng, chi cho các hoạt động: công tác truyền thông - giáo dục, công tác đào tạo - tập huấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi... Thành phố đã đầu tư chăm lo chất lượng và mở rộng các dịch vụ về nâng cao chất lượng dân số giai đoạn đầu đời, chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình. Hàng triệu lượt người đã nhận thức được lợi ích của việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em, lựa chọn sử dụng các dịch vụ thông qua hình thức tự chi trả như khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

- Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát kết quả thực hiện chính sách, các chương trình, kế hoạch về dân số và sức khỏe sinh sản được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục với các nội dung: kiểm tra việc thực hiện các

quy định của pháp luật về nghiêm cấm các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi và thông báo giới tính thai nhi; tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát liên ngành về các nội dung chuyên đề về dân số và sức khỏe sinh sản. Vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện các chính sách về dân số và sức khỏe sinh sản được tăng cường và đẩy mạnh thực hiện.

- Thực hiện tốt việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số - kế hoạch hóa gia đình. Cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và quận, huyện. Hiện nay, trên hệ thống tin quản lý chuyên ngành dân số - kế hoạch hóa gia đình, tỷ lệ cập nhật đạt trên 90% so với thực tế.

II. NHỮNG HẠN CHẾ

1. Quy mô dân số và mức sinh

- Dân số đông, biến động dân cư rất lớn, người dân nhập cư đông, các vấn đề liên quan đến dân số và phát triển như nhà ở, việc làm, môi trường ô nhiễm, vệ sinh an toàn thực phẩm, dịch bệnh... là những áp lực khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về dân số.

- Hiện nay, tổng tỷ suất sinh của Thành phố là 1,53 con/phụ nữ (năm 2020), ở mức rất thấp so với mức sinh thay thế của cả nước là 2,09 con/phụ nữ và đang được xếp trong nhóm 21 tỉnh, thành phố có mức sinh thấp nhất cả nước.

2. Cơ cấu dân số

- Chỉ số già hóa (tỷ số dân số từ 60 tuổi trở lên so với dân số dưới 15 tuổi) của Thành phố là 49,4%, cao hơn so với số liệu của cả nước là 48,8% (Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019). Già hóa dân số sẽ tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó đặc biệt tác động đến thị trường lao động, an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, ...

- Tình hình kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh đạt hiệu quả, tuy nhiên nếu không duy trì các giải pháp can thiệp chủ động thì vẫn có thể tăng trong thời gian tới.

3. Chất lượng dân số

- Tình trạng nạo phá thai có giảm nhưng vẫn còn cao, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dân số về sau.

- Nội dung về nâng cao chất lượng dân số trong quá trình triển khai có những hoạt động còn chưa có sự tập trung, sự đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện giữa các cấp, các ngành trong việc nâng cao thể chất, trí tuệ, tinh thần... cho người dân.

- Người dân chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng, nên thiếu sự chủ động và sẵn sàng khi tham gia việc tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

- Việc tiếp cận đầy đủ các dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi còn bị giới hạn, hệ thống chăm sóc sức khỏe chưa bắt kịp với tốc độ già hóa dân số ngày càng tăng.

4. Phân bố dân số

Với mật độ dân số là 4.292 người/km² (tăng gần 26% so với năm 2009), Thành phố Hồ Chí Minh trở thành nơi có mật độ dân số cao nhất của cả nước, cùng với việc phân bố dân cư không đồng đều giữa các quận, huyện đang đặt ra những thách thức cho công tác quản lý và phát triển đô thị. Phân bố dân cư có tác động trực tiếp vào việc quy hoạch cơ sở hạ tầng, mạng lưới các cơ sở dịch vụ thiết yếu của cộng đồng cũng như các vấn đề về giao thông, môi trường, giảm ngập nước,...

5. Công tác truyền truyền, giáo dục dân số

Công tác tuyên truyền, giáo dục về dân số chưa bắt kịp với xu hướng phát triển, chưa phát huy được vai trò công nghệ số trong cung cấp các thông tin về dân số. Kinh phí đầu tư cho hoạt động truyền thông - giáo dục về dân số trong những năm qua chưa đáp ứng nhu cầu cần thiết để mang lại hiệu quả tác động đến các nhóm đối tượng tiếp nhận.

6. Dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình

Cơ hội tiếp cận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình - sức khỏe sinh sản vẫn còn hạn chế, đặc biệt ở đối tượng phụ nữ nhập cư, nữ công nhân các khu công nghiệp - chế xuất, đối tượng là học sinh, sinh viên, dẫn đến tỷ số nạo phá thai vẫn còn cao so với cả nước.

7. Công tác tổ chức, quản lý, điều hành

Các nội dung về dân số trong phát triển kinh tế - xã hội còn chưa được chú trọng đúng mức. Nguồn lực đầu tư cho công tác dân số còn chưa tương xứng với công tác dân số theo định hướng dân số và phát triển.

III. NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân số, chưa tạo được sự phối hợp hoạt động đồng bộ giữa các ban ngành, đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện chính sách dân số.

- Cán bộ làm công tác dân số các cấp biến động nhiều, việc thay đổi nhân sự thường xuyên, đặc biệt ở cấp phường, xã, thị trấn gây khó khăn trong việc tham mưu, phối hợp, triển khai các hoạt động trên địa bàn Thành phố. Năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ chưa mạnh, cán bộ cấp phường - xã, thị trấn còn phải kiêm nhiệm nhiều công tác khác, cộng tác viên dân số thay đổi nhiều, trình độ năng lực còn hạn chế. Chế độ chính sách cho đối tượng là cán bộ chuyên trách cấp xã và cộng tác viên dân số chưa tương xứng với khối lượng công việc và mức sống hiện nay tại Thành phố.

- Đầu tư nguồn lực của Nhà nước cho công tác dân số chưa đáp ứng nhu cầu thực hiện các giải pháp, nhất là hoạt động truyền thông - giáo dục.

2. Bài học kinh nghiệm

- Yếu tố quyết định thành công của công tác dân số là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của cấp ủy đảng, chính quyền từ Thành phố đến cơ sở. Cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp trong suốt quá trình triển khai thực hiện công tác dân số.

- Công tác dân số sẽ đạt được nhiều kết quả mang tính bền vững khi có tổ chức bộ máy ổn định, có đội ngũ cán bộ làm công tác dân số nhiệt tình, trách nhiệm, được kiện toàn, củng cố, được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên và liên tục, có chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp.

- Tiếp tục thực hiện xã hội hóa công tác dân số một cách chủ động và linh hoạt nhằm huy động tối đa các nguồn lực từ cộng đồng, đảm bảo đủ kinh phí triển khai toàn diện đối với công tác dân số. Xác định đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển bền vững mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Kịp thời nắm bắt xu hướng biến đổi nhanh, dự báo được những vấn đề mới nảy sinh của công tác dân số (mức sinh thấp, già hóa, nâng cao chất lượng dân số...) để có biện pháp thích ứng phù hợp trong tình hình mới. Cần có hệ thống chính sách dân số thích hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Xây dựng một số chính sách khuyến khích như: nhóm chính sách nhằm giải quyết một số nhiệm vụ trọng tâm các vấn đề mới trong công tác dân số; nhóm chính sách ưu đãi đối với cán bộ làm công tác dân số, nhất là đối với cán bộ cơ sở, cộng tác viên dân số cơ sở.

- Đổi mới, đa dạng các hình thức, phương pháp truyền thông về dân số phù hợp từng nhóm đối tượng. Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; tập trung khai thác, phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác.

- Tăng cường công tác hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra - giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách pháp luật, các chương trình, kế hoạch về dân số. Nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện các chính sách, pháp luật về dân số.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, biểu dương khen thưởng kịp thời bên cạnh việc xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm chính sách dân số.

PHẦN II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ HỆ THỐNG CHỈ TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu tổng quát

Nỗ lực giải quyết tình trạng mức sinh thấp; kiểm soát mật cân bằng giới tính khi sinh; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số nhằm góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể (phần đầu đạt vào năm 2025)

Mục tiêu 1: Nỗ lực giải quyết tình trạng mức sinh thấp, đẩy mạnh chuyển tải thông điệp truyền thông “Mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con”

- Tổng tỷ suất sinh đạt **1,4** con/phụ nữ (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có **1,4** con, hướng tới 2030 là **1,6** con), quy mô dân số Thành phố khoảng **10,6** triệu người.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên phần đầu trên **1,1%** vào năm 2025.

- Mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại. Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh sản (15-49 tuổi) đang sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trên **60%**.

- Tỷ số nạo phá thai: 40/100 trẻ sinh sống.

- Giảm **1/2** số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

Mục tiêu 2: Thực hiện việc kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, phần đầu duy trì cơ cấu tuổi ở mức hợp lý

- Tỷ số giới tính khi sinh ≤ 107 bé trai/100 bé gái.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng **22%**; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng **10%**; tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng **45%**.

Mục tiêu 3: Tập trung triển khai thực hiện mở rộng các hoạt động can thiệp nâng cao chất lượng dân số

- Tỷ lệ thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn được truyền thông, tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt $\geq 90\%$.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất **04** loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt $\geq 85\%$; Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất **05** bệnh bẩm sinh phổ biến nhất đạt $\geq 85\%$.

- Tuổi thọ bình quân đạt **76,8** tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu **67** năm.

- Chiều cao trung bình của thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt **168,5** cm, nữ đạt **157,0** cm.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì nằm trong nhóm **03** tỉnh dẫn đầu của cả nước.

Mục tiêu 4: Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý

Bố trí, phân bố dân số hợp lý, bảo đảm người nhập cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Tỷ lệ dân số đô thị duy trì ổn định ở mức **80%**.

Mục tiêu 5: Đẩy mạnh khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Tỷ lệ dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư chiếm **100%**, thống nhất trên quy mô toàn quốc.

- Tỷ lệ ngành, lĩnh vực sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đạt **80%**.

Mục tiêu 6: Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của Thành phố

Tiếp tục thực hiện tốt các chiến lược, chương trình về chăm sóc sức khỏe, xây dựng các chiến lược, chương trình về chăm sóc sức khỏe cho giai đoạn đến năm 2030.

Mục tiêu 7: Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, tư vấn, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi đạt ít nhất **20%**.

- Tỷ lệ người cao tuổi trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phương tiện sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất đạt khoảng **60%**.

- Tỷ lệ người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung đạt **90%**.

- Phân đầu duy trì và mở rộng hoạt động **144** câu lạc bộ Người cao tuổi giúp người cao tuổi và **144** tổ tình nguyện viên chăm sóc người cao tuổi già yếu neo đơn tại cộng đồng ở **144** phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác dân số và phát triển

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm để cụ thể hóa các mục tiêu đã đề ra nhằm thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 phù hợp với thực tiễn.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác dân số và phát triển; đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số trở thành một nội dung trọng tâm trong các chương trình, kế hoạch công tác thường xuyên của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp. Các chỉ tiêu về dân số và phát triển cần được lồng ghép vào việc hoạch định cụ thể trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, của từng ngành, từng địa phương. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện của các cơ sở, đơn vị về công tác dân số phải là công việc thường xuyên trong nội dung công tác của các cấp ủy đảng, chính quyền.

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai; đầu tư kinh phí, kiện toàn tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ đủ năng lực để thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số của Thành phố.

Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và của cả cộng đồng trong công tác dân số. Thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số. Đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân số, đặc biệt là cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách pháp luật, các chương trình, kế hoạch về dân số. Nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện các chính sách, pháp luật về công tác dân số.

Đề cao tính tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội. Lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp ủy, chính quyền các cấp.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

Đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền rộng rãi nghị quyết, chương trình hành động, các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về dân số đến mọi tầng lớp Nhân dân.

Triển khai đầy đủ, toàn diện các nội dung: nỗ lực giải quyết tình trạng mức sinh thấp; kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số là yêu cầu của công tác truyền thông, vận động về dân số và phát triển trong tình hình mới.

Tiếp tục kiên trì thực hiện, đẩy mạnh chuyển tải thông điệp truyền thông “Mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con, bảo đảm quyền, trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt” nhằm tác động đến nhận thức của người dân, góp phần điều chỉnh, ứng phó với mức sinh hiện đang giảm sâu của Thành phố.

Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới, đề cao giá trị của trẻ em gái, vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội, thực hiện hiệu quả bình đẳng giới, loại trừ dần nguyên nhân sâu xa của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

Đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi nhận thức, tạo dư luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi, nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Giáo dục nâng cao ý thức, nghiêm cấm lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi.

Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, hiệu quả của việc thực hiện các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số. Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

Tập trung truyền thông về cơ hội, thách thức và giải pháp phát huy lợi thế của thời kỳ cơ cấu dân số vàng, thực hiện các quy định của pháp luật về nơi cư trú. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân, gia đình và toàn xã hội trong việc phát huy vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi, xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số.

Thường xuyên cung cấp thông tin cập nhật, có chất lượng về các vấn đề dân số và phát triển đến lãnh đạo các cấp, những người có uy tín trong cộng đồng, các chức sắc tôn giáo nhằm tạo sự ủng hộ, cam kết mạnh hơn về chính sách, nguồn lực và tạo dư luận xã hội thuận lợi cho công tác dân số.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, nhất là đội ngũ công tác viên dân số. Lồng ghép nội dung dân số vào sinh hoạt cộng đồng dân cư, các tiêu chuẩn văn hóa trong thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” bao gồm danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu phố văn hóa, ấp văn hóa”, “Xã văn hóa nông thôn mới”, “Xã văn hóa - văn minh đô thị”.

Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống thông tin ở cơ sở. Nâng cao chất lượng và tăng số lượng, thời lượng các chương trình, tin, bài về dân số; đa dạng hóa các hình thức thể hiện các nội dung về công tác dân số. Chú trọng lồng ghép các thông điệp về dân số trong các tác phẩm, sản phẩm văn hóa, văn nghệ, giải trí. Tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội... trong truyền thông giáo dục về dân số.

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực người Việt Nam.

Triển khai mạnh, có hiệu quả các hoạt động truyền thông - giáo dục với nội dung, hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng; ưu tiên những nhóm đối tượng khó tiếp cận thông tin và dịch vụ dân số. Tăng cường phối hợp với các ban ngành, đoàn thể các cấp để lồng ghép hoạt động truyền thông về dân số đến đoàn viên, hội viên, các đoàn thể và Nhân dân nhằm tạo sự đồng tình thực hiện tốt chính sách dân số.

3. Tiếp tục rà soát bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách dân số

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến công tác dân số của Trung ương, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp nhằm tạo cơ sở pháp lý và môi trường chính sách thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu về dân số và phát triển theo định hướng đến năm 2030.

Xây dựng, hoàn thiện, điều chỉnh bổ sung các chính sách trong lĩnh vực dân số thích hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, trong đó ưu tiên các chính sách về: giải quyết vấn đề mức sinh thấp, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc người cao tuổi, khuyến khích tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số, đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác dân số,...

Rà soát, hoàn thiện các quy định đưa chính sách dân số vào quy ước, quy định của khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân phù hợp với các quy định của pháp luật; lồng ghép với công tác gia đình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch và thiết chế văn hóa cơ sở.

Nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức triển khai toàn diện các nội dung của công tác dân số. Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số. Thúc đẩy cung ứng các dịch vụ dân số trực tuyến qua mạng, kết nối công nghệ thông tin để nâng cao cơ hội tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ này.

Bổ sung nhân lực, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho nhân viên cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình theo phân cấp và phân tuyến kỹ thuật. Đào tạo và cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ cung cấp dịch vụ, chú trọng kỹ năng tư vấn và giáo dục sức khỏe cộng đồng.

Nâng cấp cơ sở hạ tầng, bổ sung trang thiết bị, dụng cụ y tế cho các điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình, đảm bảo các yêu cầu về quy trình và phân tuyến kỹ thuật, ưu tiên cho tuyến cơ sở, tuyến quận, huyện. Chú trọng đảm bảo các phương tiện vận chuyển, trang thiết bị và dụng cụ y tế để đưa dịch vụ đến tận người dân ở những địa bàn khó khăn.

Mở rộng Mô hình cung cấp dịch vụ thân thiện với vị thành niên và thanh niên. Tăng cường công tác truyền thông - giáo dục, tư vấn lồng ghép với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe thân thiện với vị thành niên và thanh niên. Tập trung đáp ứng nhu cầu của thanh niên trong các khu chế xuất và công nghiệp, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Tổ chức loại hình cung cấp dịch vụ linh hoạt phù hợp với đặc thù công việc của công nhân các khu chế xuất và công nghiệp. Tăng cường quản lý nhà nước đối với việc cung cấp các dịch vụ phá thai, cơ bản loại trừ phá thai không an toàn.

Đẩy mạnh thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, can thiệp, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh cho mọi phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh, mở rộng thêm một số mặt bệnh đưa vào chương trình. Tổ chức quản lý những trường hợp được phát hiện tật, bệnh bẩm sinh để tư vấn, vận động và hỗ trợ theo dõi, điều trị thích hợp tại cơ sở y tế theo quy định.

Thí điểm, từng bước mở rộng chương trình ngăn ngừa, sàng lọc, can thiệp, điều trị sớm các bệnh, tật là nguyên nhân dẫn đến vô sinh ở nhóm dân số trẻ.

Từng bước phát triển, lồng ghép các dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn. Nhân rộng các mô hình có hiệu quả, từng bước mở rộng và tiến tới phổ cập việc cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững của Thành phố nhằm đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo, không để tái nghèo tạo điều kiện cho người dân thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục - đào tạo, y tế, việc làm, bảo hiểm xã hội, nhà ở, điều kiện sống, thông tin) nhằm cải thiện và nâng cao mức sống, điều kiện sống và chất lượng cuộc sống.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng của Thành phố nhằm hạn chế tình trạng thừa cân - béo phì, kiểm soát có hiệu quả các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng và cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc và thể lực của người dân.

Phát triển mạnh hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế. Thiết lập và từng bước mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên cơ sở điều chỉnh hệ thống các cơ sở cung cấp các dịch vụ khám chữa bệnh hiện có, hình thành và mở rộng dần mạng lưới chăm sóc sức khỏe

người cao tuổi dựa trên cơ sở cộng đồng và gia đình, thúc đẩy sự phát triển về số lượng và quy mô các cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tập trung của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tư nhân, đáp ứng ngày càng tốt hơn, đầy đủ hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe đa dạng của người cao tuổi. Mở rộng việc cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng thông qua mạng lưới tình nguyện viên, cộng tác viên và nhân viên chăm sóc được đào tạo.

Thực hiện bộ tiêu chí xã, phường thân thiện với người cao tuổi làm cơ sở cho việc định hướng, giám sát đánh giá kết quả các hoạt động chăm sóc người cao tuổi ở cấp cơ sở.

Nâng cao chất lượng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt việc cung cấp các phương tiện tránh thai theo phân nhóm đối tượng và phân khúc thị trường (miễn phí, tiếp thị xã hội, xã hội hóa) đảm bảo an toàn và thuận tiện theo nhu cầu người dân.

5. Đào tạo, nghiên cứu khoa học và khai thác có hiệu quả hệ thống thông tin chuyên ngành dân số

Đẩy mạnh nghiên cứu về dân số và phát triển, nhất là các vấn đề mới, trọng tâm về cơ cấu, chất lượng, phân bố dân số ở một đô thị đặc biệt trên 10 triệu dân và lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực. Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu khoa học, phát triển mạng lưới nghiên cứu về dân số và phát triển.

Tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học, chuyển giao công nghệ y - sinh học tiên tiến về hỗ trợ sinh sản, tránh thai; tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh; dự phòng, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Tăng cường và hoàn thiện công tác thu thập, thống kê, phân tích các số liệu chuyên ngành về dân số để kịp thời tham mưu các chính sách can thiệp chủ động liên quan đến các vấn đề dân số của Thành phố. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý, phân tích, lưu trữ thông tin số liệu về dân số bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp, chia sẻ và kết nối các dữ liệu chuyên ngành.

Vận hành và nâng cao chất lượng hoạt động của kho dữ liệu dân cư cấp Thành phố và quận, huyện, phấn đấu các thông tin chuyên ngành dân số được cập nhật có tỷ lệ sai số thấp nhất so với thực tế. Hoàn thiện hệ thống thông tin (phần mềm quản lý về dân số), số liệu dân số nhằm đáp ứng thuận lợi trong việc thực hiện hoàn thiện công tác thu thập, cập nhật số liệu về dân số ngay từ những năm đầu giai đoạn. Tăng cường phối hợp liên ngành trong việc khai thác sử dụng thông tin kho dữ liệu dân cư nhằm phục vụ tốt yêu cầu quản lý, điều hành chương trình, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Tăng mức đầu tư kinh phí của Thành phố cho công tác dân số, đồng thời huy động sự đóng góp của cộng đồng, đảm bảo đủ kinh phí triển khai toàn diện công tác dân số cả về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số và quản lý dân số. Xác định đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển bền vững, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số ở cơ sở để đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Đẩy mạnh xã hội hóa, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, công tác truyền thông - giáo dục, công tác đào tạo - tập huấn dịch vụ nâng cao chất lượng dân số, dịch vụ an sinh, phúc lợi xã hội thích ứng với những thay đổi về dân số của Thành phố.

7. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ làm công tác dân số

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công tác viên dân số ở cơ sở.

Ở các ngành, cơ quan, đơn vị, căn cứ vào khối lượng công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao có liên quan đến công tác dân số, phân công cán bộ hoặc tổ chức đảm nhiệm công tác này.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số đáp ứng yêu cầu chuyển hướng sang chính sách dân số và phát triển. Cập nhật kiến thức mới, tập huấn lại, bảo đảm đội ngũ công tác viên dân số thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện sinh đủ hai con, không lựa chọn giới tính thai nhi, phát huy vai trò và chăm sóc người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số; thu thập thông tin và tham gia cung cấp một số dịch vụ dân số tới tận hộ gia đình.

Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực dân số thông qua hệ thống đào tạo trong và ngoài nước.

Đảm bảo 100% phường, xã, thị trấn có cán bộ chuyên trách làm công tác dân số; cán bộ dân số không kiêm nhiệm các công việc khác để có thể triển khai tốt các hoạt động. Củng cố, bổ sung kịp thời số công tác viên dân số khi có biến động nhằm đảm bảo tất cả các địa bàn đều có công tác viên dân số quản lý.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác viên dân số trong việc tuyên truyền vận động, quản lý đối tượng và cung cấp các dịch vụ dân số đến tận hộ gia đình. Thường xuyên rà soát, kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo công tác dân số các cấp, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Quan tâm đến việc đào tạo đại học, sau đại học về dân số, xã hội học, sản khoa, nhi khoa, lão khoa; đảm bảo mỗi quận, huyện đều có cán bộ đạt trình độ đại học về những lĩnh vực này, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ có trình độ cao về dân số. Ưu tiên nguồn lực để đào tạo trình độ trung cấp y tế - dân số hoặc lớp bồi dưỡng kiến thức dân số cơ bản cho cán bộ làm công tác dân số cấp phường, xã, thị trấn đặc biệt ở những khu vực khó khăn, vùng ngoại thành.

8. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động, tích cực hội nhập, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dân số. Tăng cường học tập, chia sẻ kinh nghiệm về những vấn đề ưu tiên như: mức sinh thấp, kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh, già hóa dân số. Tranh thủ sự đồng thuận, hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm và kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế.

Đẩy mạnh hợp tác về chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo và hợp tác trao đổi chuyên gia, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Tăng cường hợp tác liên doanh, liên kết trong phát triển cơ sở chăm sóc người cao tuổi tập trung, các cơ sở ứng dụng kỹ thuật cao về hỗ trợ sinh sản, cơ sở xét nghiệm, phát hiện các bệnh di truyền, chuyển hóa liên quan phù hợp với những nội dung ưu tiên và pháp luật Việt Nam.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch hành động do ngân sách nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm, theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ Y tế, Dân số theo quy định và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giai đoạn thực hiện Kế hoạch hành động

1.1 Giai đoạn 1 (2021-2023)

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động của công tác dân số; tập trung vào chuẩn bị cơ sở triển khai toàn diện các nhiệm vụ đặt ra tại kế hoạch hành động này.

- Xây dựng các chính sách về công tác Dân số của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025. Phê duyệt, ban hành các chương trình, kế hoạch về dân số giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Ổn định, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác dân số; củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo công tác dân số ở các cấp.

- Tổ chức sơ kết đánh giá giai đoạn 2021-2023.

1.2. Giai đoạn 2 (2023-2025)

- Trên cơ sở sơ kết đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 1, đề ra phương hướng để thực hiện giai đoạn 2, đẩy nhanh thực hiện các nhiệm vụ đề đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch hành động.

- Tổ chức tổng kết đánh giá giai đoạn 2021-2025.

2. Phân công nhiệm vụ các sở, ngành, đoàn thể Thành phố

2.1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tổ chức triển khai, điều phối thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trong Kế hoạch hành động trên phạm vi toàn Thành phố, đảm bảo gắn kết, lồng ghép chặt chẽ với các kế hoạch khác có liên quan.

- Hàng năm tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện, hướng dẫn triển khai kế hoạch đối với các đơn vị chức năng có liên quan, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu). Chủ trì tổ chức sơ kết đánh giá giai đoạn 2021-2023 và tổ chức tổng kết đánh giá giai đoạn 2021-2025.

- Phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu chính sách về công tác dân số giai đoạn 2021-2025 trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Kiện toàn, ổn định tổ chức, bộ máy làm công tác dân số từ Thành phố đến cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, quản lý cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp; đào tạo và bồi dưỡng kỹ thuật cho những đơn vị, người cung cấp các dịch vụ về dân số; thực hiện và ứng dụng những nghiên cứu khoa học liên quan.

2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: phối hợp với các cơ quan liên quan vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về dân số.

2.3. Sở Tài chính: phối hợp Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

2.4. Sở Giáo dục và Đào tạo: thực hiện các nội dung giáo dục dân số và sức khỏe sinh sản, giới tính và bình đẳng giới cho học sinh; phối hợp với Sở Y tế xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, cán bộ y tế trường học về nội dung dân số và sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới tính và bình đẳng giới, phòng chống HIV/AIDS; đẩy mạnh các hoạt động, phong trào rèn luyện thể chất, thể dục thể thao trong trường học.

2.5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: chủ trì đào tạo nghề, nâng cao hiệu quả giới thiệu việc làm và tạo việc làm nhằm sử dụng tối đa lực lượng lao động, phát huy lợi thế của giai đoạn “Cơ cấu dân số vàng” thích ứng với già hóa dân số; thực hiện các hình thức phù hợp hỗ trợ giáo dục về dân số và sức khỏe sinh sản trong các cơ sở dạy nghề; lồng ghép nội dung dân số và sức khỏe sinh sản vào các chương trình có liên quan do Sở chủ trì; phối hợp với các sở, ban ngành thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi và vị thế của phụ nữ và trẻ em gái, cải thiện phúc lợi và chất lượng cuộc sống của người cao tuổi.

2.6. Sở Khoa học và Công nghệ: tổ chức tuyển chọn các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ theo đặt hàng của các sở, ngành, đơn vị có nhu cầu, liên quan đến dân số và phát triển, đặc biệt là những nghiên cứu về giải quyết tình trạng mức sinh thấp, nâng cao chất lượng dân số, kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, chính sách an sinh xã hội dành cho người cao tuổi.

2.7. Sở Văn hóa và Thể thao: chỉ đạo tổ chức thực hiện Đề án “Phát triển ngành thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030” nhằm góp phần nâng cao tâm vóc và thể lực của người dân Thành phố; tham gia tuyên truyền các nội dung chính sách dân số để thực hiện chủ trương gia đình có đủ hai con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; các hoạt động phát triển gia đình bền vững, phòng chống bạo lực gia đình; lồng ghép việc thực hiện chính sách dân số vào các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” nhằm góp phần nâng cao trách nhiệm của chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, vận động cộng đồng thực hiện tốt chính sách dân số.

2.8. Sở Thông tin và Truyền thông: chỉ đạo các cơ quan báo chí Thành phố thực hiện các hoạt động cung cấp thông tin, tuyên truyền, giáo dục chuyên đôi hành vi về dân số; hỗ trợ cộng đồng và người dân giám sát kết quả thi hành pháp luật và thực hiện chính sách liên quan đến dân số và phát triển.

2.9. Sở Tư pháp: rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách dân số và phát triển theo hướng tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực dân số; tham gia tuyên truyền các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dân số.

2.10. Sở Nội vụ: đề xuất các chính sách về tổ chức bộ máy và chế độ thù lao đối với cán bộ làm công tác dân số ở cơ sở; vận động các chức sắc tôn giáo, những người có uy tín trong cộng đồng tham gia hỗ trợ chuyển tải các thông tin về dân số nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền cho người dân; phối hợp thực hiện công tác thi đua - khen thưởng nhằm động viên kịp thời các tập thể, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện tốt công tác dân số.

2.11. Sở Tài nguyên và Môi trường: triển khai các chương trình, đề án, dự án về xử lý ô nhiễm môi trường nước, biến đổi khí hậu theo định hướng của Kế hoạch.

2.12. Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố: chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan trong việc nghiên cứu toàn diện, đồng bộ các vấn đề dân số và quan hệ, tác động của dân số với phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu các vấn đề dân số Thành phố đang được quan tâm: giải quyết tình trạng mức sinh thấp, nâng cao chất lượng dân số, thích ứng với xu hướng già hóa dân số, phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng, di cư hai chiều đến và đi, kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh;...

2.13. Bảo hiểm Xã hội Thành phố: phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất thực hiện các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế về dân số và phát triển phù hợp với Kế hoạch này. Huy động các nguồn lực xã hội để mở rộng đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện và Bảo hiểm y tế hộ gia đình. Đồng thời chủ động phối hợp với các Sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố sử dụng nguồn quỹ Bảo hiểm y tế kết dư do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thông báo hàng năm để mua thẻ Bảo hiểm y tế cho đối tượng hộ nghèo và cận nghèo của Thành phố.

2.14. Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố và các cơ quan báo chí Thành phố: tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết phù hợp; nâng cao chất lượng tuyên truyền về dân số và phát triển trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục.

2.15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên: vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia các hoạt động về dân số.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố: tham gia công tác tuyên truyền, giám sát và phản biện trong việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch hành động.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố: phối hợp đẩy mạnh tuyên truyền nội dung về dân số và sức khỏe sinh sản, khám sức khỏe trước khi kết hôn, vận động xây dựng gia đình theo tiêu chí “Gia đình có đủ hai con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”; tham gia những hoạt động nhằm đảm bảo bình đẳng giới, tăng cường sức khỏe và phúc lợi gia đình.

- Thành Đoàn TNCS Thành phố: tham gia các hoạt động liên quan đến chăm sóc sức khỏe vị thành niên và thanh niên, khám sức khỏe trước khi kết hôn.

- Liên đoàn Lao động Thành phố: tham gia các hoạt động hướng tới đối tượng công nhân, viên chức lao động, đặc biệt là lực lượng lao động nhập cư tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Ban Đại diện Hội Người cao tuổi Thành phố: tham gia đề xuất các chính sách đối với người cao tuổi, các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

2.16. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

Căn cứ Kế hoạch hành động của Thành phố để xây dựng kế hoạch hành động giai đoạn 2021-2025 phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn quản lý; bố trí ngân sách tổ chức thực hiện hàng năm đối với các hoạt động của kế hoạch; kiện toàn, ổn định nhân sự làm công tác dân số; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền giúp người dân hiểu và thực hiện tốt chính sách dân số; đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành trong thực hiện chính sách dân số; thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc thực hiện đạt các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

3. Công tác thông kê báo cáo

Các Sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Y tế) định kỳ kết quả thực hiện Kế hoạch hành động trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Trên đây là Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Y tế) xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐNDTP;
- TTUB: CT, các PCT;
- UBMTTQ Việt Nam TP;
- Tổng cục DS-KHHGĐ;
- Các Sở, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức;
- Các báo, đài Thành phố;
- VPUB: Các PCVP;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: VT, (VX/Hà) TV. 23

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Anh Đức



PHỤ LỤC 01

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu công tác dân số giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025)

TT	Chỉ báo kiểm định mục tiêu	Đơn vị	Mục tiêu đến năm 2020	Kết quả đến năm 2020	Ghi chú
1	Mục tiêu 1. Tăng cường các hoạt động can thiệp nâng cao chất lượng dân số giai đoạn đầu đời; Chỉ số phát triển con người (HDI) của Thành phố duy trì nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu của cả nước				
1.1	Tỷ lệ bà mẹ đang mang thai được sàng lọc trước sinh	%	80	88,57	
1.2	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc	%	70	85,38	
1.3	Tỷ lệ thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn được truyền thông - tư vấn về nội dung Sức khỏe tiền hôn nhân	%	90	90,25	
1.4	Chỉ số phát triển con người (HDI)		10 tỉnh dẫn đầu	03 tỉnh dẫn đầu (*)	
2	Mục tiêu 2: Duy trì mức sinh hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu kế hoạch hóa gia đình của người dân, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ sinh sản có chất lượng				
2.1	Tổng tỷ suất sinh	Con / Phụ nữ	1,7-1,9	1,53	
2.2	Tỷ lệ cặp vợ chồng đang sử dụng biện pháp tránh thai	%	70	70,2	
2.3	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	<1,1	1,01	
2.4	Quy mô dân số Thành phố	Triệu người	9,2	9,224	
3	Mục tiêu 3: Tăng cường kiểm soát có hiệu quả tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh và tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh				
3.1	Tỷ số giới tính khi sinh	trẻ trai/100 trẻ gái	<110	106,4	
4	Mục tiêu 4: Nâng cao Sức khỏe bà mẹ và trẻ em; Giảm tỷ lệ mắc tật, bệnh, tử vong ở trẻ em; Giảm tỷ lệ phá thai, loại trừ phá thai không an toàn				

TT	Chỉ báo kiểm định mục tiêu	Đơn vị	Mục tiêu đến năm 2020	Kết quả đến năm 2020	Ghi chú
4.1	Tỷ suất tử vong mẹ	Ca/100.000 ca sinh sống	10	2,53	
4.2	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	9	6,9	
4.3	Tỷ số nạo phá thai	Ca/100 ca sinh sống	45	33,46	
5	Mục tiêu 5: Giảm nhiễm khuẩn đường sinh sản, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục; Chủ động phòng ngừa, phát hiện và điều trị sớm ung thư đường sinh sản, chú trọng sàng lọc ung thư đường sinh sản ở phụ nữ trong độ tuổi 30-54 tuổi				
5.1	Giảm tỷ lệ trường hợp nhiễm khuẩn đường sinh sản (so với năm 2015).	%	15	15 (*)	
5.2	Giảm số trường hợp bệnh lây truyền qua đường tình dục (so với năm 2015)	%	10	10 (*)	
5.3	Tỷ lệ phụ nữ ở độ tuổi 30-54 được sàng lọc ung thư cổ tử cung	%	50	50 (*)	
6	Mục tiêu 6: Cải thiện sức khỏe sinh sản của người chưa thành niên, thanh niên và người dân nhập cư				
6.1	Tỷ lệ người chưa thành niên và thanh niên được truyền thông - tư vấn về sức khỏe sinh sản	%	90	>90	
6.2	Tỷ lệ phá thai của người chưa thành niên	%	< 3	2,0	
6.3	Tỷ lệ điểm cung cấp dịch vụ đã được tập huấn về Chăm sóc sức khỏe sinh sản thân thiện đối với người chưa thành niên, thanh niên	%	> 75	09 điểm Tư vấn SKSS-THN và 254 câu lạc bộ THN	
6.4	Cung cấp miễn phí dịch vụ khám và điều trị phụ khoa thông thường	Người	10.000	13.376	

TT	Chỉ báo kiểm định mục tiêu	Đơn vị	Mục tiêu đến năm 2020	Kết quả đến năm 2020	Ghi chú
7	Mục tiêu 7: Tăng cường công tác Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi				
7.1	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	76,3	76,5	
7.2	Triển khai hoạt động Câu lạc bộ “Người cao tuổi giúp người cao tuổi” và Tổ tình nguyện viên chăm sóc người cao tuổi già yếu neo đơn tại cộng đồng ở phường - xã, thị trấn	Phường, xã, thị trấn	96	96	

(*): Số liệu dự ước

PHỤ LỤC 02
CÁC CHỈ BÁO KIỂM ĐỊNH MỤC TIÊU
(Bảng hành kiểm định Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025)

TT	Chỉ báo	Đơn vị	Mục tiêu đến năm 2025	Mục tiêu đến năm 2030
1	Mục tiêu 1. Nỗ lực giải quyết tình trạng mức sinh thấp, đẩy mạnh chuyển tải thông điệp truyền thông “Mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con”			
1.1	Quy mô dân số	Triệu người	10,6	12
1.2	Tổng tỷ suất sinh	Con/phụ nữ	1,4	1,6
1.3	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	>1,1	>1,3
1.4	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh sản (15-49 tuổi) đang sử dụng BPTT hiện đại	%	>60	>60
1.5	Tỷ số nạo phá thai	/100 trẻ sinh sống	40	35
1.6	Giảm tỷ lệ vị thành niên, thanh niên (10-24 tuổi) mang thai ngoài ý muốn	% so với hiện tại	≥ 50	≥ 75
2	Mục tiêu 2: Thực hiện việc kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, phân đầu duy trì cơ cấu tuổi của dân số ở mức hợp lý			
2.1	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/ 100 bé gái	≤107	≤107
2.2	Tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi	%	22	22
2.3	Tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên	%	10	11
2.4	Tỷ lệ phụ thuộc chung	%	45	49
3	Mục tiêu 3: Tập trung triển khai thực hiện mở rộng các hoạt động can thiệp nâng cao chất lượng dân số giai đoạn đầu đời			
3.1	Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn	%	≥90	≥90
3.2	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát	%	≥85	≥90

TT	Chỉ báo	Đơn vị	Mục tiêu đến năm 2025	Mục tiêu đến năm 2030
3.3	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát	%	≥85	≥90
3.4	Tuổi thọ bình quân	Năm	76,8	77
3.5	Tuổi thọ khỏe mạnh	Năm	67	68
3.6	Chiều cao nam giới 18 tuổi	cm	168,5	169
3.7	Chiều cao nữ giới 18 tuổi	cm	157	158
4	Mục tiêu 4: Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý			
4.1	Tỷ lệ dân số đô thị	%	80	80
5	Mục tiêu 5: Vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội			
5.1	Tỷ lệ dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	%	100	100
5.2	Tỷ lệ ngành, lĩnh vực sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội	%	80%	100%
6	Mục tiêu 6: Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của Thành phố			
7	Mục tiêu 7: Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, tư vấn, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi			
7.1	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi	%	20	50
7.2	Tỷ lệ người cao tuổi trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phương tiện sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất	%	60	70
7.3	Tỷ lệ người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung	%	90 (*)	100
7.4	Số phường, xã, thị trấn triển khai Câu lạc bộ Người cao tuổi giúp Người cao tuổi và Tổ tình nguyện viên chăm sóc người cao tuổi già yếu neo đơn tại cộng đồng	Phường, xã, thị trấn	144	264

Ghi chú: Thành phố không thực hiện mục tiêu 2 trong Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.